

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất băng gai dính BAIHE Việt Nam của Công ty TNHH BAIHE HOLDING Việt Nam**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Nghị định số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của: Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất băng gai dính BAIHE Việt Nam của Công ty TNHH BAIHE HOLDING Việt Nam tại Biên bản họp Hội đồng thẩm định ngày ngày 25 tháng 3 năm 2019 và Công văn số 2001/STNMT-PBVMT ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy sản xuất băng gai dính BAIHE Việt Nam;*

*Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất băng gai dính BAIHE Việt Nam đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình ngày 17 tháng 7 năm 2020 của của Công ty TNHH BAIHE HOLDING Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5077/TTr-STNMT ngày 06 tháng 8 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất băng gai dính BAIHE Việt Nam (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH BAIHE HOLDING Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Đường số 7,

khu công nghiệp Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:** 

- Chủ dự án;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- Ban Quản lý Khu kinh tế ;
- Công ty CP PTHT KCN TN;
- LĐVP-CVK;
- Lưu: VT, VP ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

12



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH.**

**Trần Văn Chiến**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
**NHÀ MÁY SẢN XUẤT BĂNG GAI DÍNH BAIHE VIỆT NAM CỦA CÔNG TY**  
**TNHH BAIHE HOLDING VIỆT NAM**  
(Kèm theo Quyết định số 1811/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2020  
của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)



**1. Thông tin về Dự án:**

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất băng gai dính BAIHE Việt Nam.
- Địa điểm thực hiện: Đường số 7, Khu công nghiệp Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
- Chủ dự án: Công ty TNHH BAIHE HOLDING Việt Nam.

**1.1 Phạm vi, quy mô:**

- Tổng diện tích đất của Dự án là 12.350 m<sup>2</sup>.
- Mục tiêu, quy mô:
  - + Mục tiêu của dự án là: Sản xuất băng gai dính từ sợi nylon và sợi polyester.
  - + Quy mô dự án: 2.400.000 m<sup>2</sup>/năm.

1.2 Các hạng mục công trình: Khu văn phòng; Khu vực sản xuất (05 hạng mục); Kho nguyên liệu, thành phẩm; Nhà ăn, ký túc xá; Khu vực lò hơi, khu pha hóa chất; Công trình phụ trợ (Nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, nhà xe; Khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại; Khu xử lý nước thải; Đường giao thông, vỉa hè: cây xanh, bãi cỏ.

**1.3 Công nghệ sản xuất của Dự án:**

- Quy trình cho móc

Sợi nylon, Sợi Polyester → Mắc sợi cho móc → Quấn → Dệt cho móc → Móc băng → Nhuộm → Giặt và vắt → Quét keo và sấy khô → Cắt móc → Xé dọc và cán → Hàn siêu âm → Kết dính → Kho chứa.

- Quy trình cho vòng lặp

Sợi Polyester → Mắc sợi cho vòng lặp → Quấn → Dệt cho vòng lặp → Vòng băng → Nhuộm → Giặt và vắt → Chải → Quét keo và sấy khô → Xé dọc và cán → Hàn siêu âm → Kho chứa.

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:**

**2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án**

- Bụi phát sinh trong quá trình dệt.
- Khí thải từ máy phát điện dự phòng.
- Hơi hóa chất từ quá trình nhuộm.
- Hơi hóa chất từ khu vực pha hoá chất.
- Bụi, khí thải do đốt nhiên liệu vận hành lò hơi.
- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên tại Dự án.

*Handwritten signature*

- Nước thải từ quá trình giặt tẩy, nhuộm.
- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải.
- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất.

#### 2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi phát sinh trong quá trình dệt: Tải lượng 28.976 kg bụi/năm.
- Khí thải từ máy phát điện dự phòng: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, VOC, tải lượng 1000m<sup>3</sup>/h.
- Hơi hóa chất từ quá trình nhuộm: Axit Acetic, NaOH, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>.
- Khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu cho lò hơi sử dụng than đá có thành phần: Bụi, CO, CO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>.
- Hơi hóa chất từ khu vực pha hoá chất: Axit Acetic, NaOH, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>.

#### 2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên tại nhà máy trung bình 25,0 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần: Chất thải rắn lơ lửng (SS), BOD, COD, Nitơ, Photpho, Coliform...
- Lượng nước thải sản xuất phát sinh 180 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần nước thải chứa các chất: pH, nhiệt độ, độ màu, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, Clo dư, Cr<sup>6+</sup>, Crom<sup>3+</sup>, Xyanua, tổng Nitơ, tổng photpho, Amoni, Fe, Cu, Tổng chất hoạt động bề mặt.

#### 2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 105 kg/ngày. Bao gồm: Bao bì, vỏ lon đựng thức uống, hộp thức ăn thừa,...
- Lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất khoảng 200 tấn/năm. Bao gồm: Thùng giấy carton, bao bì nylon đựng nguyên liệu; Lõi nhựa từ các cuộn sợi; Các sợi vụn, sợi bị lỗi chưa nhuộm.

#### 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất khoảng 14.135 kg/năm. Bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang; hộp mực in; phẩm màu và chất nhuộm thải có các thành phần nguy hại thải bỏ; Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải; Chất thải (cặn, bùn) có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải; Tro đáy từ quá trình đốt than đá vận hành lò hơi; Bao bì cứng thải bằng nhựa; Bao bì mềm thải; Bao bì cứng thải bằng kim loại; Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác) giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải; Pin, ắc quy chì thải; Than hoạt tính đã qua sử dụng.

### 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

#### 3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt với tổng lưu lượng 25 m<sup>3</sup>/ngày đêm được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó được thu gom xử lý chung với nước thải sản xuất tại HTXLNT công suất 250 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

*Handwritten signature*

- Nước thải sản xuất:

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh của nhà máy là  $180 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ . Toàn bộ lượng nước thải này được thu gom dẫn về xử lý tại hệ thống XLNT của nhà máy có công suất  $250 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

Nước thải sau khi xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT. Quy trình công nghệ xử lý nước thải được tóm tắt trong hình sau:

Nước thải sản xuất → Hồ thu nước → Tháp giải nhiệt → Bể điều hòa → bể chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng 1 → Bể phản ứng hiếu khí 1 → Bể hiếu khí 2 → Bể hiếu khí 3 → Bể hiếu khí 4 → Bể lắng 2 → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp.

### 3.2. Về thu gom và xử lý khí thải:

- Bụi phát sinh trong quá trình dệt: Bụi vải từ quá trình sản xuất → hệ thống hút bụi dưới sàn → Quạt hút → Thiết bị lọc bụi thùng quay → Quạt hút → Hệ thống làm mát không khí bằng màng nước → Không khí sạch sau khi làm mát và cấp vào nhà xưởng.

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng: máy phát điện dự phòng được bố trí khu vực riêng, giảm ảnh hưởng đến công nhân viên, lắp đặt đệm chống ồn và ống khói cao 5m.

- Hơi hóa chất từ khu vực pha chế hóa chất: Khu vực pha hóa chất → Chụp hút → Tấm lọc than hoạt tính → Quạt hút → Đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

- Xử lý khí thải lò hơi: Khí thải → Cyclone khô → Tháp hấp thụ → Quạt hút → Ống khói → Xả ra môi trường đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

### 3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom hàng ngày về khu vực lưu trữ.

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

### 3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Xây dựng kho lưu giữ chất thải nguy hại có vách ngăn lưu giữ riêng biệt cho từng loại. Chất thải nguy hại phát sinh được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tần suất thu gom, xử lý: 06 tháng/lần.

### 3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung: Trang bị khẩu trang, nút bịt chống ồn cho công nhân, lắp đặt đệm chống ồn trong quá trình lắp đặt thiết bị tại Nhà máy.

- Trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh Dự án để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

- Mạng lưới thu gom nước mưa: Nước mưa → thu gom dẫn vào hệ thống thoát nước mưa nội bộ của Nhà máy → đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa tập trung của Khu Công nghiệp Trảng Bàng.

### 3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu chứa chất thải: Khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cách cháy, bể chứa nước phòng cháy chữa cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

### 4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất.
- Hệ thống xử lý bụi phát sinh trong quá trình dẹt.
- Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ khu vực pha chế hóa chất.
- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
- Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.
- Khu lưu giữ chất thải rắn nguy hại.

### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án:

#### 5.1. Chương trình giám sát nước thải.

- Thông số giám sát: pH, nhiệt độ, độ màu, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, Clo dư, Cr<sup>6+</sup>, Crom<sup>3+</sup>, Xyanua, tổng Nitơ, tổng photpho, Amoni, Fe, Cu, Tổng chất hoạt động bề mặt.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại hố gas sau hệ thống xử lý nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Trảng Bàng.

- Quy chuẩn áp dụng: Cột B, QCVN 40:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

#### 5.2. Chương trình giám sát khí thải.

- Vị trí giám sát (KT 1): 1 điểm tại ống thoát sau HTXL khí thải lò hơi. Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, bụi tổng, CO, SO<sub>2</sub>, Nox. Tần suất thu mẫu và phân tích: 3 tháng/lần. Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

- Vị trí giám sát (KT 2): Tại ống thoát sau HTXL hơi hóa chất. Chỉ tiêu giám sát: SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, Etylaxetat, amoniac. Tần suất thu mẫu và phân tích: 3 tháng/lần. Quy chuẩn so sánh: QCVN20:2009/BTNMT.

*Handwritten signature*

### 5.3. Chương trình giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.
- Tần suất: Thường xuyên thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh để quản lý theo quy định.
- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn phát sinh, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.
- Quy định áp dụng: Nghị định về quản lý chất thải và phế liệu đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác thực Văn bản hợp nhất số 19/VBHN-BTNMT ngày 25/10/2019 và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

### 6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải.
- Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý khí thải, bụi phát sinh từ toàn bộ hoạt động sản xuất của Dự án đảm bảo xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.
- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.
- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng, vận hành, kết thúc dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định về quản lý chất thải và phế liệu đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác thực Văn bản hợp nhất số 19/VBHN-BTNMT ngày 25/10/2019 và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.
- Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.
- Các máy móc, thiết bị phải được đầu tư mới 100%, nghiêm cấm không được nhập khẩu các máy móc, thiết bị đã qua sử dụng về lắp đặt tại Dự án.
- Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan./.

*Handwritten signature*